

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Cường

2. Ông Bùi Thế Vịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐ-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bạch Thị N, sinh năm 1993 – Vắng mặt

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1992 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bạch Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Vũ Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 25/10/2017. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh B làm dâu và chung sống cùng gia đình anh B tại thôn C, xã X, huyện L. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, từ tháng 6 năm 2023 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nợ nần nhiều, vay lãi nặng, đi làm không thu vén lo cho gia đình, bản thân chị là

người phải tự gánh vác kinh tế gia đình lo cho con cái. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 6 năm 2023, chị và anh **B** sống ly thân, chị cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ chi ở **TDP Đ, thị trấn V** sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Vũ Văn B**.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị và anh **B** có 02 con chung là **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020. Hiện các cháu có sức khỏe tốt, phát triển bình thường, các cháu đang ở cùng với mẹ. Hiện nay, chị **N** làm **Công ty TNHH Đ**, thu nhập bình quân từ 6 -9 triệu đồng/tháng. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung của vợ chồng cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Vũ Văn B** trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý, triệu tập đến làm việc, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa song anh **B** không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Anh **B** tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại Biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị **N**, anh **B** là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, địa phương không nắm được vợ chồng chị **N**, anh **B** có mâu thuẫn vì khi vợ chồng mâu thuẫn thì cũng không báo chính quyền địa phương để hoà giải. Hiện nay anh **B** đi làm công ty, thường đến tối anh **B** mới về nhà, chị **N** thì hiện nay có về nhà bố mẹ đẻ ở **thị trấn V, huyện L**. Giữa chị **N** và anh **B** có 02 con chung **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020. Việc chị **N** khởi kiện xin ly hôn anh **B** và giải quyết về con chung ra Tòa án, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tòa án làm việc với bà **Hoàng Thị S** là bố đẻ của anh **Vũ Văn B**, bà **S** cho biết như sau: Chị **N** và anh **B** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại **UBND xã M** và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chị **N** và **B** sinh sống cùng nhau có xảy ra mâu thuẫn thì bà cũng không nắm được vì anh **B**, chị **N** không có trao đổi gì bà. Đến tháng 6/2023 thì chị **N** cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị **N** làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh **B** thì gia đình đề nghị Toà án

giải quyết theo quy định pháp luật. Giữa chị **N** và anh **B** có 02 con chung **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay, các cháu vẫn khoẻ mạnh, phát triển bình thường; hai cháu đang ở với mẹ bên nhà ngoại. Nay nếu vợ chồng **Ngọc B1** ly hôn, về con chung tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Đối với bị đơn đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá thực trạng mâu thuẫn của chị **N**, anh **B1** đã trầm trọng, kéo dài, đến nay vợ chồng không thể chung sống đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **N** và anh **B1** ly hôn. Về con chung, đề nghị giao 2 cháu **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phân chia tài sản chung, chị **N** không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị **N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị **N** thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **N** và anh **B1** kết hôn năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu; đăng ký kết hôn tại UBND xã **M**, huyện **L**, tỉnh **Bắc Giang**, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị **N** trình bày vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị **N** xác định do anh **B1** nợ nần nhiều, vay lãi ngày, đi làm không thu vén lo cho gia đình, bản thân chị là người phải tự gánh vác kinh tế gia đình lo cho con cái. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương, gia đình anh **B1** và chị **N** đều xác định vợ chồng chị **N**, anh **B1** sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2023. Hiện nay, anh **B1** không đến Tòa án làm việc và cũng không có lời khai về việc chị **N** có đơn xin ly hôn với anh. Tuy nhiên, xét tình trạng mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **B1** đã trầm trọng, kéo dài, chị **N** kiên quyết xin ly hôn, HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **N** được ly hôn anh **B1**.

[3]. Về con chung: Chị **N** và anh **B1** có 02 con chung là **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay, các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với chị **N**. Khi ly hôn, chị **N** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay, chị **N** làm Công ty TNHH **D**, thu nhập bình quân từ 6 -9 triệu đồng/tháng. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập anh **B1** đến làm việc nhưng anh **B1** không đến Tòa án làm việc, không có bản trình bày quan điểm hay ý kiến của anh về nội dung vụ án. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của các cháu cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị **Bạch Thị N** được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **N** không yêu cầu anh **B1** phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bạch Thị N** được ly hôn anh **Vũ Văn B**.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung **Vũ Đức L**, sinh ngày 17/7/2018; **Vũ Hạ T**, sinh ngày 26/3/2020 cho chị **Bạch Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh **B** thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị **Bạch Thị N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **S1** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007382 ngày 12/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị **N** đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **N**, anh **B** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Mỹ Thái;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Vũ Thị Thiêm